TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 209/2018/QĐST-HNGĐ	*Thái Bình, ngày 25 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự số 115/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Đặng Võ L**, sinh năm 1971;

Hộ khẩu thường trú: Khu tập thể Hội đồng nhân dân tỉnh, phường L, thành phố T, tỉnh T.

Nơi cư trú: Số nhà 616, nhà C, khu nhà ở xã hội P, phường Q, thành phố T, tỉnh T.

- Chị **Nguyễn Thị TA**, sinh năm 1979;

Hộ khẩu thường trú: Số 14b, khu I, thị trấn D, huyện T, tỉnh T.

Nơi cư trú: Số nhà 616, nhà C, khu nhà ở xã hội Petro Thăng Long, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Đặng Võ L và chị Nguyễn Thị TA tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện T, tỉnh T vào ngày 16/02/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, do mâu thuẫn về làm ăn kinh tế dẫn đến mâu thuẫn làm ảnh hưởng tới

tâm sinh lý và việc học hành của các con. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất thỏa thuận đề nghị Tòa án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Đặng Võ L và chị Nguyễn Thị TA có hai con chung là Đặng QA, sinh ngày 01/02/2006 và Đặng Đặng Huyền DA, sinh ngày 18/9/2012. Ly hôn anh chị thỏa thuận: anh L trực tiếp nuôi dưỡng con Đặng Huyền D; chị TA trực tiếp nuôi dưỡng con Đặng QA. Anh L tự nguyện đóng góp cấp dưỡng cho con QA cùng chị TA mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi con QA đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản: Anh Đặng Võ L và chị Nguyễn Thị TA tự thỏa thuận phân chia tài sản chung; anh chị không vay nợ chung và cũng không cho ai vay nợ tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Đặng Võ L và chị Nguyễn Thị TA tự nguyện nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Võ L và chị Nguyễn Thị TA thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Đặng Võ L và chị Nguyễn Thị TA có hai con chung là Đặng Q, sinh ngày 01/02/2006 và Đặng Huyền D, sinh ngày 18/9/2012.

Ly hôn, anh L trực tiếp nuôi dưỡng con Đặng Huyền D; chị TA trực tiếp nuôi dưỡng con Đặng Q. Anh L tự nguyện đóng góp cấp dưỡng cho con QA cùng chị TA mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi con QA đủ 18 tuổi.

Anh L, chị TA có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

- Về tài sản chung: Anh Đặng Võ L và chị Nguyễn Thị TA không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết về tài sản.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đặng Võ L và chị Nguyễn Thị TA mỗi người phải nộp 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. (*Chuyển số tiền 300.000 đồng anh L, chị TA đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0007274 ngày 11/10/2018 sang thi hành lệ phí*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND thị trấn D, huyện T, tỉnh T; GCNKH số 67, quyển số 02/2004 ngày 16/02/2005);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Xuân Huyền